

Số: 2109/TB-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc hoàn trả tiền thu bảo hiểm y tế sinh viên
của năm 2024 (Đợt 4)

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông báo số 635/TB-ĐHSP ngày 22/4/2024 của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng về việc tham gia Bảo hiểm y tế bắt buộc đối với sinh viên năm 2024;

Nhà trường thông báo về việc hoàn trả tiền thu bảo hiểm y tế (BHYT) sinh viên (SV) của năm 2024 (đợt 4) như sau:

1. Đối tượng: các SV thuộc đối tượng ưu tiên được cấp BHYT tại địa phương và SV chưa bổ sung thông tin mua BHYT (danh sách đính kèm).

2. Cách thức nhận tiền: Nhà trường hoàn trả tiền BHYT vào tài khoản thẻ sinh viên.

Trên đây là thông báo về việc hoàn trả tiền thu BHYT SV của năm 2024 (đợt 4). Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị liên quan triển khai đến sinh viên để đảm bảo quyền lợi đối với SV đang học tập tại Trường./. *✓*

Nơi nhận:

- Thủ trưởng các đơn vị (để thực hiện);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, CTSV. *phn*

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Võ Văn Minh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HOÀN TIỀN MUA BHYT
CỦA NĂM 2024 (đợt 4)

(Kèm theo Thông báo số 2109 / TB-DHSP ngày 12 tháng 12 năm 2024 của trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
1	3110122006	Lê Bùi Quỳnh Chi	16/08/2004	Nữ	22ST2	623,700	396,900	226,800	
2	3110123021	Lê Thị Thúy Hà	19/11/2005	Nữ	23ST2	737,100	-	737,100	Đã có BHYT địa phương
3	3110123043	Dương Khánh Huyền	02/02/2005	Nữ	23ST2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
4	3110123051	Vũ Khánh Linh	11/02/2005	Nữ	23ST1	850,500	-	850,500	Chưa cung cấp thông tin
5	3110123052	Hồ Trần Hoàng Long	01/06/2005	Nam	23ST1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
6	3110123054	Lê Thị Quỳnh Mai	30/01/2005	Nữ	23ST1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
7	3110123057	Tạ Tiểu Mi	14/08/2005	Nữ	23ST1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
8	3110123065	Nguyễn Minh Ngọc	11/07/2005	Nam	23ST2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
9	3110123096	Trần Thị Bảo Trâm	08/09/2005	Nữ	23ST2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
10	3120121033	Trương Quốc Thanh	08/02/2000	Nam	21SPT	623,700	396,900	226,800	
11	3120122029	Lê Chí Thiện	09/01/2004	Nam	22SPT	623,700	-	623,700	Chưa cung cấp thông tin
12	3120123002	Phạm Việt Anh	10/07/2005	Nam	23SPT	850,500	396,900	453,600	
13	3120123026	Nguyễn Thị Quỳnh Như	08/05/2005	Nữ	23SPT	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
14	3120220215	Trần Ngọc Nguyên Đình	01/11/2002	Nam	20CNTT3	680,400	396,900	283,500	
15	3120220296	Vũ Hà Nam	11/10/2002	Nam	20CNTT2	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
16	3120220297	Hoàng Thị Linh Nhi	07/11/2002	Nữ	20CNTT1	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
17	3120221014	Phan Thành Đạt	01/01/2002	Nam	21CNTT3	623,700	396,900	226,800	
18	3120221059	Trần Thị Xuân Mai	03/02/2003	Nữ	21CNTT4	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
19	3120221099	Ngô Thị Xuân Thương	19/07/2003	Nữ	21CNTT4	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
20	3120221205	Nguyễn Thị Mỹ Lan	26/02/2003	Nữ	21CNTT2	510,300	396,900	113,400	
21	3120221218	Trần Văn Lê Mạnh	03/10/2003	Nam	21CNTTC	623,700	-	623,700	Chưa cung cấp thông tin
22	3120221255	Lê Quang Phúc	25/10/2003	Nam	21CNTT1	510,300	396,900	113,400	
23	3120221366	Huỳnh Minh Hậu	11/12/2003	Nam	21CNTT1	453,600	396,900	56,700	
24	3120221397	Lê Phú Khoa	21/10/2003	Nam	21CNTT4	453,600	-	453,600	Chưa cung cấp thông tin
25	3120221416	Nguyễn Đăng Mãn	15/04/2003	Nam	21CNTT4	453,600	396,900	56,700	
26	3120221424	Đoàn Võ Hiếu Nghĩa	16/03/2001	Nam	21CNTT4	510,300	-	510,300	Chưa cung cấp thông tin
27	3120221439	Võ Thị Thu Phương	12/12/2003	Nữ	21CNTT2	453,600	396,900	56,700	
28	3120221479	Đỗ Văn Thương	22/07/2003	Nam	21CNTT2	453,600	396,900	56,700	
29	3120221487	Nguyễn Thị Kim Trâm	21/02/2003	Nữ	21CNTT4	680,400	396,900	283,500	
30	3120222024	Trần Phước Duy	23/05/2004	Nam	22CNTT2	510,300	396,900	113,400	
31	3120222142	Nguyễn Nhật Triều	11/10/2004	Nam	22CNTT2	510,300	396,900	113,400	
32	3120223099	Nguyễn Tuấn Kiệt	17/03/2005	Nam	23CNTT2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
33	3120223102	Lê Văn Lân	08/01/2005	Nam	23CNTT3	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
34	3120223145	Lê Thảo Nhi	22/08/2005	Nữ	23CNTT2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
35	3120223215	Nguyễn Hoàng Minh Trí	24/03/2005	Nam	23CNTT1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
36	3120420023	Trần Như Tiến	11/02/2002	Nam	20CNTTC	453,600	396,900	56,700	
37	3120421021	Vũ Đức Tiến	21/11/2003	Nam	21CNTTC	396,900	-	396,900	Chưa cung cấp thông tin
38	3130121072	Lê Thọ Chính	11/05/2003	Nam	21SVL1	453,600	396,900	56,700	
39	3130123004	Nguyễn Hoàng Hưng Gia	12/08/2005	Nam	23SVL	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
40	3130123008	Phạm Diệu Hương	20/08/2005	Nữ	23SVL	850,500	396,900	453,600	
41	3140122007	Nguyễn Lê Mạnh Cường	07/12/2004	Nam	22SHH	680,400	396,900	283,500	
42	3140123015	Nguyễn Hữu Quang	24/09/2005	Nam	23SHH	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
43	3140321003	Dương Duy Đức	06/01/2000	Nam	21CHD	510,300	396,900	113,400	
44	3140323012	Phạm Nguyễn Khang	27/07/2005	Nam	23CHD	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
45	3140720008	Bùi Thị Nguyễn Phương	22/12/2002	Nữ	20SKT	680,400	396,900	283,500	
46	3140721023	Phùng Tiến Đạt	14/08/2000	Nam	21SKT2	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
47	3140721148	Bùi Yến Mai Thiên	31/12/2003	Nữ	21SKT2	623,700	396,900	226,800	
48	3140721168	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	28/10/2003	Nữ	21SKT2	623,700	396,900	226,800	
49	3140723044	Nguyễn Thuý Mỹ Linh	25/05/2005	Nữ	23SKT2	680,400	368,550	311,850	
50	3140723056	Nguyễn Thị Trà My	16/03/2005	Nữ	23SKT1	850,500	396,900	453,600	
51	3150121042	Phạm Trần Yến Nhi	19/11/2003	Nữ	21SS	623,700	-	623,700	Chưa cung cấp thông tin
52	3150123019	Trần Công Minh	10/01/2005	Nam	23SS	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
53	3150123026	Trần Thị Hồng Nhung	19/09/2005	Nữ	23SS	850,500	396,900	453,600	
54	3150123028	Đặng Anh Quân	05/02/2005	Nam	23SS	850,500	340,200	510,300	
55	3150123029	Lại Phước Sơn	15/08/2005	Nam	23SS	850,500	396,900	453,600	
56	3150123034	Võ Thị Thảo	15/06/2005	Nữ	23SS	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
57	3150420035	Trương Công Phát	12/12/2002	Nam	20CNSH	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
58	3150423043	Phạm Hoàng Tuấn	12/12/2005	Nam	23CNSH	680,400	340,200	340,200	
59	3160120111	Võ Nguyễn Thảo Nguyễn	24/05/2002	Nữ	20SGC	680,400	396,900	283,500	
60	3160121001	Trần Thị Anh Thơ	26/06/2002	Nữ	21SGC	623,700	-	623,700	Chưa cung cấp thông tin
61	3160122009	Riáh Khôi	03/03/2004	Nam	22SGC	680,400	-	680,400	Đã có BHYT địa phương
62	3160123014	Trương Phạm Pha Lê	04/07/2005	Nữ	23SGC	453,600	396,900	56,700	
63	3160420009	Y Sàng	04/01/2002	Nam	20SAN	396,900	-	396,900	Chưa cung cấp thông tin
64	3160420023	Nguyễn Thị Như Ý	23/04/2002	Nữ	20SAN	453,600	396,900	56,700	
65	3160422002	Ngô Võ Hải Anh	30/11/2004	Nữ	22SAN	680,400	340,200	340,200	
66	3160422019	Đỗ Cát Hồng	23/06/2004	Nữ	22SAN	680,400	340,200	340,200	
67	3160422056	Tạ Thị Thuý Trang	20/11/2004	Nữ	22SAN	680,400	396,900	283,500	
68	3160522012	Lê Quang Hồ Hiệp	02/04/2004	Nam	22SCD	510,300	-	510,300	Đã có BHYT địa phương
69	3160523005	Nguyễn Thị Thuý Hằng	08/09/2005	Nữ	23SCD	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
70	3160622007	Trương Đỗ Trung Đức	03/07/2001	Nam	22SGT	623,700	-	623,700	Chưa cung cấp thông tin
71	3170120036	Nguyễn Thùy Yên Thảo	19/11/2002	Nữ	20SNV3	680,400	396,900	283,500	
72	3170120159	Lê Thùy Hương	29/06/2002	Nữ	20SNV2	453,600	-	453,600	Chưa cung cấp thông tin
73	3170120193	Lê Thị Na	29/05/2002	Nữ	20SNV2	680,400	340,200	340,200	
74	3170120223	Võ Nguyễn Quỳnh Như	05/02/2002	Nữ	20SNV2	510,300	-	510,300	Đã có BHYT địa phương
75	3170120228	Huỳnh Thị Kiều Oanh	21/05/2002	Nữ	20SNV3	510,300	396,900	113,400	
76	3170120240	Mai Như Doan Quỳnh	06/08/2002	Nữ	20SNV3	680,400	396,900	283,500	
77	3170120263	Trần Thị Thanh Thảo	01/10/2002	Nữ	20SNV4	680,400	340,200	340,200	
78	3170120270	Huỳnh Thị Minh Thu	16/07/2002	Nữ	20SNV3	680,400	396,900	283,500	
79	3170121065	Lê Thị Ngọc Ánh	15/03/2003	Nữ	21SNV3	623,700	396,900	226,800	
80	3170121078	Nguyễn Thùy Dương	14/04/2003	Nữ	21SNV1	623,700	396,900	226,800	
81	3170122003	Trần Đăng Ngọc Anh	25/12/2004	Nữ	22SNV1	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
82	3170123024	Nguyễn Đăng Diệu Hải	22/07/2005	Nữ	23SNV2	850,500	396,900	453,600	
83	3170123031	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	06/08/2005	Nữ	23SNV1	850,500	-	850,500	Chưa cung cấp thông tin
84	3170123041	Lê Nữ Khánh Huyền	01/03/2005	Nữ	23SNV2	850,500	396,900	453,600	
85	3170123043	Phạm Thị Huyền	05/05/2005	Nữ	23SNV2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
86	3170123056	Lê Phương Ly	09/09/2005	Nữ	23SNV1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
87	3170123102	Nguyễn Thị Thảo	30/06/2005	Nữ	23SNV1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
88	3170221029	Đỗ Quỳnh Anh	30/10/2003	Nữ	21CVH	623,700	-	623,700	Chưa cung cấp thông tin
89	3170221038	Đoàn Ngọc Hân	15/08/2003	Nữ	21CVH	623,700	396,900	226,800	
90	3170221062	Lê Phạm Khánh Nguyễn	23/10/2003	Nữ	21CVH	510,300	-	510,300	Chưa cung cấp thông tin
91	3170221128	Nguyễn Võ Uyên Nhi	05/08/2003	Nữ	21CVH	453,600	-	453,600	Chưa cung cấp thông tin
92	3170221149	Thị Bảo Trâm	25/08/2003	Nữ	21CVH	510,300	-	510,300	Chưa cung cấp thông tin
93	3170221153	Trần Thị Tuyết	07/12/2003	Nữ	21CVH	396,900	-	396,900	Chưa cung cấp thông tin
94	3170221160	Lê Thị Hoàng Yến	20/11/2003	Nữ	21CVH	510,300	396,900	113,400	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
95	3170222079	Nguyễn Thị Xuân Trinh	25/04/1998	Nữ	22CVH	510,300	396,900	113,400	
96	3170223069	Mai Thanh Trúc	18/01/2005	Nữ	23CVH	850,500	396,900	453,600	
97	3170223075	Hà Thảo Vân	25/03/2005	Nữ	23CVH	850,500	-	850,500	Chưa cung cấp thông tin
98	3170320054	Tạ Thị Ngọc Ý	19/06/2002	Nữ	20CVHH	623,700	340,200	283,500	
99	3170320055	Nguyễn Quốc Cường	02/06/1999	Nam	20CVHH	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
100	3170322013	Vũ Quang Hiếu	02/08/2004	Nam	22CVHH	510,300	396,900	113,400	
101	3170323011	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	07/09/2005	Nữ	23CVHH	340,200	-	340,200	Đã có BHYT địa phương
102	3170420046	Hoàng Nguyễn Tuệ Nhi	22/09/2002	Nữ	20CBC3	453,600	396,900	56,700	
103	3170420125	Nguyễn Lưu Trúc Lam	02/07/2002	Nam	20CBC3	453,600	396,900	56,700	
104	3170420154	Dương Thị Minh Phương	10/11/2002	Nữ	20CBC1	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
105	3170420155	Nguyễn Cao Thị Thanh Phương	23/06/2002	Nữ	20CBC2	453,600	396,900	56,700	
106	3170420193	Trần Lê Kim Ánh	11/07/2002	Nữ	20CBC1	680,400	396,900	283,500	
107	3170420265	Hồ Việt Nam	30/03/2002	Nam	20CBC1	623,700	396,900	226,800	
108	3170420287	Phan Nguyễn Hoài Phương	29/07/2002	Nữ	20CBC2	623,700	-	623,700	Chưa cung cấp thông tin
109	3170420302	Lê Hà Phương Thảo	08/04/2002	Nữ	20CBC1	680,400	396,900	283,500	
110	3170420325	Mai Tấn Trường	29/11/2002	Nam	20CBC1	680,400	396,900	283,500	
111	3170421155	Nguyễn Thị Hiền	22/04/2003	Nữ	21CBC1	453,600	-	453,600	Đã có BHYT địa phương
112	3170421165	Lê Đỗ Quỳnh Hương	02/07/2003	Nữ	21CBC2	510,300	396,900	113,400	
113	3170421183	Cao Trần Phương Ly	18/12/2003	Nữ	21CBC2	623,700	396,900	226,800	
114	3170421186	Trần Lê Minh	16/02/2003	Nam	21CBC1	680,400	368,550	311,850	
115	3170421197	Nguyễn Thị Kim Ngân	19/11/2003	Nữ	21CBC1	623,700	396,900	226,800	
116	3170421200	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	07/10/2003	Nữ	21CBC2	680,400	396,900	283,500	
117	3170423001	Huỳnh Thái Nam Anh	16/07/2005	Nữ	23CBC1	850,500	396,900	453,600	
118	3170423040	Dương Thị Thanh Hương	22/03/2005	Nữ	23CBC2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
119	3170423047	Huỳnh Nam Ngọc Khuê	25/09/2005	Nữ	23CBC1	850,500	340,200	510,300	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
120	3170423107	Phạm Minh Thư	23/11/2005	Nữ	23CBC1	737,100	396,900	340,200	
121	3170423131	Nguyễn Thị Tường Vi	01/10/2005	Nữ	23CBC2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
122	3170620009	Dương Đăng Anh Tùng	05/06/2002	Nam	20CBCC	623,700	396,900	226,800	
123	3170621011	Nguyễn Đăng Nhật Linh	24/06/2003	Nữ	21CBCC	510,300	340,200	170,100	
124	3170621012	Nguyễn Thị Yến Loan	13/10/2003	Nữ	21CBCC	510,300	396,900	113,400	
125	3180122047	Lê Thị Thảo	15/01/2003	Nữ	22SLS	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
126	3180220027	Phạm Ngọc Khánh Hòa	02/11/2002	Nữ	20CVNH1	680,400	396,900	283,500	
127	3180220067	Hoàng Thị Hạnh Trà	04/03/2002	Nữ	20CVNH2	623,700	396,900	226,800	
128	3180220073	Nguyễn Việt Trinh	09/12/2002	Nữ	20CVNH2	623,700	396,900	226,800	
129	3180220148	Hồ Linh Hiền	17/04/2002	Nữ	20CVNH1	680,400	396,900	283,500	
130	3180220209	Đặng Thị Xuân Mai	08/11/2002	Nữ	20CVNH1	680,400	340,200	340,200	
131	3180220277	Nguyễn Mạnh Quân	04/05/2002	Nam	20CVNH1	396,900	-	396,900	Chưa cung cấp thông tin
132	3180220359	Nguyễn Thị Cẩm Trinh	20/08/2002	Nữ	20CVNH2	510,300	396,900	113,400	
133	3180221035	Trần Văn Kim	29/03/2002	Nam	21CVNH1	510,300	396,900	113,400	
134	3180221046	Nguyễn Thị Mai Lý	18/04/2003	Nữ	21CVNH1	680,400	396,900	283,500	
135	3180221071	Chế Hoài Uyên Nhi	18/10/2003	Nữ	21CVNH1	623,700	396,900	226,800	
136	3180221119	Ngô Hoàng Yến Vy	02/02/2003	Nữ	21CVNH2	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
137	3180221127	Lê Đình Ân	18/08/2003	Nam	21CVNH2	396,900	-	396,900	Đã có BHYT địa phương
138	3180221158	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/08/2003	Nữ	21CVNH2	453,600	396,900	56,700	
139	3180221167	Đặng Thị Xuân Hiếu	29/01/2003	Nữ	21CVNH2	453,600	340,200	113,400	
140	3180221205	Lê Thị Diễm My	08/11/2003	Nữ	21CVNH1	680,400	396,900	283,500	
141	3180221214	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21/07/2003	Nữ	21CVNH2	680,400	396,900	283,500	
142	3180221232	Trần Tiểu Long Nữ	09/06/2003	Nữ	21CVNH1	510,300	396,900	113,400	
143	3180221320	Phạm Quỳnh Anh	28/12/2003	Nữ	21CVNH1	453,600	396,900	56,700	
144	3180222008	Đỗ Quang Ca	10/05/2004	Nam	22CVNH2	510,300	396,900	113,400	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
145	3180222138	Nguyễn Thị Minh Thúy	10/12/2004	Nữ	22CVNH2	623,700	396,900	226,800	
146	3180223029	Nguyễn Thị Hằng	09/12/2005	Nữ	23CVNH1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
147	3180223083	Đặng Anh Quân	07/07/2005	Nam	23CVNH2	340,200	-	340,200	Đã có BHYT địa phương
148	3180223099	Nguyễn Thị Thanh Thảo	20/02/2005	Nữ	23CVNH1	623,700	368,550	255,150	
149	3180223114	Ngô Thị Diễm Thúy	17/01/2005	Nữ	23CVNH2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
150	3180520014	Vũ Trần Quang Huy	24/11/2002	Nam	20CLS	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
151	3180521022	Nguyễn Thanh Anh Khoa	23/07/2003	Nam	21CLS	623,700	396,900	226,800	
152	3180521029	Nguyễn Thị Mai Phương	07/08/2003	Nữ	21CLS	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
153	3180522031	Trần Ngô Trường Phúc	25/12/2004	Nam	22CLS	680,400	396,900	283,500	
154	3180523037	Nguyễn Thảo My	31/07/2005	Nữ	23CLS	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
155	3180620015	Trần Thị Như Ý	05/07/2002	Nữ	20CVNHC	510,300	396,900	113,400	
156	3180722008	Huỳnh Phan Hoàng Anh	20/03/2002	Nữ	20SLD	680,400	340,200	340,200	
157	3180721035	Đặng Thị Thu Hương	28/02/2003	Nữ	21SLD	623,700	368,550	255,150	
158	3180721065	Nguyễn Thị Vi Hương	05/08/2003	Nữ	21SLD	623,700	-	623,700	Chưa cung cấp thông tin
159	3180721111	Lê Anh Thương	08/11/2002	Nữ	21SLD	623,700	396,900	226,800	
160	3180722055	Nguyễn Vũ Thảo My	18/06/2004	Nữ	22SLD1	623,700	368,550	255,150	
161	3180722088	Phan Trần Vi Thảo	23/10/2004	Nữ	22SLD2	680,400	396,900	283,500	
162	3180723005	Nguyễn Thị Lan Anh	28/04/2005	Nữ	23SLD1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
163	3180723029	Nguyễn Thị Huệ	29/12/2005	Nữ	23SLD1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
164	3180723040	Vũ Thị Khánh Linh	19/03/2005	Nữ	23SLD2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
165	3180723105	Nguyễn Đăng Thùy Trâm	12/10/2005	Nữ	23SLD1	793,800	-	793,800	Chưa cung cấp thông tin
166	3180723121	Huỳnh Thị Thu Vy	29/10/2005	Nữ	23SLD2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
167	3190123027	Nguyễn Quang Linh	14/05/2005	Nam	23SDL	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
168	3190123029	Nguyễn Thị Ngọc Mai	13/12/2005	Nữ	23SDL	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
169	3190123042	Lê Văn Thọ	25/08/2005	Nam	23SDL	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
170	3190123062	Trần Ninh Quốc Tiến	11/06/2005	Nam	23SDL	793,800	-	793,800	Đã có BHYT địa phương
171	3190421016	Trần Võ Uyên Nhi	07/09/2003	Nữ	21CDDL	623,700	396,900	226,800	
172	3190421027	Trần Thị Huyền Trang	20/04/2003	Nữ	21CDDL	623,700	-	623,700	Chưa cung cấp thông tin
173	3190421049	Hồ Ngọc Cẩm Giang	02/05/2003	Nữ	21CDDL	453,600	396,900	56,700	
174	3190421110	Nguyễn Ngọc Bảo Yến	27/11/2002	Nữ	21CDDL	680,400	396,900	283,500	
175	3190421126	Nguyễn Thị Dung Hạnh	08/03/2003	Nữ	21CDDL	623,700	396,900	226,800	
176	3190423053	Võ Vỹ Quân	17/05/2005	Nam	23CDDL	850,500	-	850,500	Chưa cung cấp thông tin
177	3190423063	Trần Quốc Thanh	26/11/2004	Nam	23CDDL	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
178	3200220045	Nguyễn Thị Gia An	01/01/2001	Nữ	20CTL2	453,600	-	453,600	Chưa cung cấp thông tin
179	3200220059	Mai Thị Thanh Hiền	04/07/2002	Nữ	20CTL2	510,300	396,900	113,400	
180	3200220087	Hoàng Thiên Thủy Tiên	23/04/2002	Nữ	20CTL1	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
181	3200220201	Lương Công Lanh	05/08/2002	Nam	20CTL2	510,300	396,900	113,400	
182	3200221133	Bùi Hà Cẩm Duyên	08/04/2003	Nữ	21CTL2	510,300	396,900	510,300	Chưa cung cấp thông tin
183	3200221158	Đoàn Văn Huy	12/02/2003	Nam	21CTL1	510,300	-	510,300	
184	3200221206	Phùng Tuyết Nhi	26/06/2003	Nữ	21CTL2	680,400	396,900	283,500	
185	3200223034	Nguyễn Văn Hùng	09/06/2005	Nam	23CTL2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
186	3200223062	Lê Thị Hằng Nga	17/12/2005	Nữ	23CTL1	680,400	396,900	283,500	
187	3200223078	Nguyễn Giang Nhi	01/08/2005	Nữ	23CTL1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
188	3200223082	Trịnh Nguyễn Yến Nhi	04/12/2005	Nữ	23CTL2	850,500	-	850,500	Chưa cung cấp thông tin
189	3200223092	Trương Tâm Như	20/10/2005	Nữ	23CTL2	793,800	-	793,800	Chưa cung cấp thông tin
190	3200223107	Võ Thị Thảo Quỳnh	09/07/2005	Nữ	23CTL2	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
191	3200223110	Nguyễn Thị An Tâm	09/03/2005	Nữ	23CTL1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
192	3200223118	Nguyễn Trần Anh Thư	10/03/2004	Nữ	23CTL1	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
193	3200320022	Nguyễn Thị Yến Vi	21/10/2002	Nữ	20CTXH	623,700	396,900	226,800	
194	3200323061	Lê Chí Thanh	13/05/2005	Nam	23CTXH	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
195	3200323077	Nguyễn Thị Trâm	08/03/2005	Nữ	23CTXH	453,600	-	453,600	Đã có BHYT địa phương
196	3200323089	Lê Thị Kiều Vy	07/06/2005	Nữ	23CTXH	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
197	3220120022	Phùng Thị Mỹ Duyên	13/04/2002	Nữ	20STH1	623,700	396,900	226,800	
198	3220120176	Nguyễn Hồ Duyên	10/08/2002	Nữ	20STH1	680,400	-	680,400	Đã có BHYT địa phương
199	3220120329	Nguyễn Thị Hạnh Thảo	18/12/2002	Nữ	20STH1	623,700	-	623,700	Đã có BHYT địa phương
200	3220120355	Đàm Tú Hồng Trang	07/06/2002	Nữ	20STH4	680,400	340,200	340,200	
201	3220120372	Nguyễn Thị Phương Uyên	08/08/2002	Nữ	20STH4	680,400	396,900	283,500	
202	3220120402	Trương Thị Như Ý	27/08/2002	Nữ	20STH1	680,400	340,200	340,200	
203	3220121189	Võ Thị Thu Thảo	27/01/2003	Nữ	21STH9	680,400	340,200	340,200	
204	3220121316	Tô Thị Diễm	01/01/2003	Nữ	21STH2	680,400	396,900	283,500	
205	3220121347	Đoàn Thị Trà Giang	08/01/2003	Nữ	21STH7	623,700	396,900	226,800	
206	3220121360	Goa	21/10/2003	Nữ	21STH5	623,700	-	623,700	Đã có BHYT địa phương
207	3220121382	Phan Thị Thanh Hằng	30/10/2003	Nữ	21STH3	680,400	-	680,400	Đã có BHYT địa phương
208	3220121554	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	28/06/2003	Nữ	21STH3	680,400	340,200	340,200	
209	3220121571	Hồ Thùy Xuân Nhã	18/07/2003	Nữ	21STH10	453,600	396,900	56,700	
210	3220121589	Trần Nguyễn Uyên Nhi	08/01/2003	Nữ	21STH1	680,400	396,900	283,500	
211	3220121654	Đào Nguyễn Khánh Quỳnh	25/09/2003	Nữ	21STH6	623,700	-	623,700	Chưa cung cấp thông tin
212	3220121743	Kpuinh Thuyen	20/08/2003	Nữ	21STH3	623,700	396,900	226,800	
213	3220121768	Trần Thị Mỹ Trâm	01/12/2003	Nữ	21STH9	623,700	396,900	226,800	
214	3220121873	Huỳnh Thị Thu Thảo	02/09/2003	Nữ	21STH1	510,300	396,900	113,400	
215	3220122289	Nguyễn Thị Hà Trang	19/10/2004	Nữ	22STH1	680,400	-	680,400	Chưa cung cấp thông tin
216	3220123017	Phan Nguyễn Phương Anh	09/10/2005	Nữ	23STH4	793,800	396,900	396,900	
217	3220123034	Nguyễn Thị Bình	15/02/2005	Nữ	23STH4	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
218	3220123117	Nguyễn Dung Hòa	14/09/2005	Nữ	23STH5	850,500	368,550	481,950	
219	3220123128	Hồ Thị Huệ	03/07/2005	Nữ	23STH3	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
220	3220123134	Hoàng Thu Hương	20/08/2005	Nữ	23STH6	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
221	3220123263	Nguyễn Thảo Nhi	29/12/2005	Nữ	23STH7	680,400	396,900	283,500	
222	3220123318	Đinh Thị Thàng	16/02/2005	Nữ	23STH7	850,500	-	850,500	Chưa cung cấp thông tin
223	3220123383	Nguyễn Thị Huyền Trang	21/07/2005	Nữ	23STH5	850,500	-	850,500	Chưa cung cấp thông tin
224	3220123399	Nguyễn Thanh Trúc	19/12/2005	Nữ	23STH7	850,500	368,550	481,950	
225	3220123442	Ksor H' Doanh	11/09/2004	Nữ	23STH7	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
226	3220123446	Ksor Nam	26/12/2004	Nam	23STH6	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
227	3220223001	Hoàng Thị Vân Anh	22/09/2005	Nữ	23STC	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
228	3220223055	Đỗ Minh Thảo	26/08/2005	Nữ	23STC	850,500	396,900	453,600	
229	3220223070	Phan Thị Như Tuyết	20/05/2005	Nữ	23STC	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
230	3230120074	Lê Thị Mỹ Hạnh	03/10/2002	Nữ	20SMN2	453,600	-	453,600	Chưa cung cấp thông tin
231	3230120151	Nguyễn Thị Thùy Mỹ	25/11/2002	Nữ	20SMN1	680,400	396,900	283,500	
232	3230120183	Trần Thị Lệ Nhi	24/08/2002	Nữ	20SMN1	680,400	368,550	311,850	
233	3230121012	Nguyễn Thị Phương Loan	27/08/2003	Nữ	21SMN3	680,400	340,200	340,200	
234	3230121058	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12/08/2003	Nữ	21SMN1	510,300	-	510,300	Chưa cung cấp thông tin
235	3230121122	Trương Diệu Mỹ	02/10/2003	Nữ	21SMN2	453,600	340,200	113,400	
236	3230121139	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	26/08/2003	Nữ	21SMN1	680,400	340,200	340,200	
237	3230121181	Phan Thanh Quý	05/06/2003	Nữ	21SMN4	680,400	340,200	340,200	
238	3230121258	Bùi Thị Tuyết	10/03/2003	Nữ	21SMN4	680,400	396,900	283,500	
239	3230122050	Hồ Thanh Thị Khuyến	21/10/2004	Nữ	22SMN2	510,300	396,900	113,400	
240	3230122160	Đinh Thị Mỹ Vân	23/08/2003	Nữ	22SMN2	623,700	-	623,700	Đã có BHYT địa phương
241	3230123016	Nguyễn Thanh Bình	03/08/2005	Nữ	23SMN4	850,500	-	850,500	Chưa cung cấp thông tin
242	3230123068	Vũ Thị Hồng Khánh	18/07/2005	Nữ	23SMN4	850,500	-	850,500	Chưa cung cấp thông tin
243	3230123091	Z'Râm Thị Mỹ Ly	25/06/2005	Nữ	23SMN4	850,500	340,200	510,300	
244	3230123112	Võ Thị Ngọc	21/09/2004	Nữ	23SMN4	680,400	368,550	311,850	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
245	3240423018	Ngô Phi Hùng	25/04/2002	Nam	23SAN	850,500	-	850,500	Đã có BHYT địa phương
246	3240423069	Phạm Tất Trung Kiên	12/05/2005	Nam	23SAN	850,500	-	850,500	Chưa cung cấp thông tin
247	3240623005	Lê Thanh Bình	15/11/2005	Nam	23SGT	737,100	-	737,100	Chưa cung cấp thông tin
248	3240623047	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	23/10/2005	Nữ	23SGT	850,500	396,900	453,600	

Danh sách gồm 248 sinh viên./

Đã

